TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2025/DS-ST
Ngày : 16.7.2025
V/v: *"Tranh chấp hụi (họ, huê)"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Bà **Lê Thị Sáu**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng (trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cũ) xét xử sơ thẩm, công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 06/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025 về *"tranh chấp về hụi (họ, huê)"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Kim H,** sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn 5, xã B3, tỉnh L (địa chỉ cũ: thôn 5, xã LN, huyện B, tỉnh L).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn 6, xã B3, tỉnh L (địa chỉ cũ: thôn 6, xã LN, huyện B, tỉnh L).

(bà H có mặt, bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Bà H thừa nhận không có mối quan hệ anh em, họ hàng với bà L, có quen biết do cư trú cùng xã LN, huyện B. Bà H tin tưởng, có chơi hụi (huê) do bà L làm chủ hụi. Bà L còn nợ tiền hụi đến nay chưa chồng cho bà H cụ thể như sau:

+ Ngày 22/4/2024 bà H tham gia chơi hụi ngày do bà L làm chủ hụi, bà H góp 20 phần, mỗi phần là 7.500.000 đồng, thành tiền là 150.000.000 đồng. Bà H giao trực tiếp số tiền này cho bà L tại nhà bà L, bà L nhận tiền mặt. Bà L tự viết nội dung nhận tiền hụi vào sổ nợ của bà H, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị L". Hai bên có thỏa thuận tiền lãi là 10.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên chưa trả lãi. Đến ngày 22/9/2024

thì bà L vỡ nợ nên đến nay không trả gốc, không trả lãi. Về biên bản ghi lời khai ngày 21/01/2025 thì do hiểu nhầm nên trình bày trả lãi đến ngày 22/9/2024 là không chính xác. Sau đó bà L tuyên bố vỡ nợ và không trả nợ.

+ Ngày 26/4/2024 bà H tham gia chơi hụi ngày do bà L làm chủ hụi, bà H góp 20 phần, mỗi phần là 7.500.000 đồng, thành tiền là 150.000.000 đồng. Bà H giao trực tiếp số tiền này cho bà L tại nhà bà L, bà L nhận tiền mặt. Bà L tự viết nội dung nhận tiền hụi vào sổ nợ của bà H, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị L". Hai bên có thỏa thuận tiền lãi là 10.000.000 đồng/tháng, đóng lãi hết tháng 9/2024. Sau đó thì bà L vỡ nợ nên đến nay không trả gốc, không trả lãi.

+ Ngày 27/7/2024 bà H tham gia chơi hụi ngày do bà L làm chủ hụi, bà H góp 10 phần, mỗi phần là 7.500.000 đồng, thành tiền là 75.000.000 đồng. Bà H giao trực tiếp số tiền này cho bà L tại nhà bà L, bà L nhận tiền mặt. Bà L tự viết nội dung nhận tiền hụi vào sổ nợ của bà H, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị L". Hai bên có thỏa thuận tiền lãi là là 5.000.000 đồng/tháng, đóng lãi hết tháng 9/2024 (27/9/2024). Sau đó thì bà L vỡ nợ nên đến nay không trả gốc, không trả lãi.

+ Ngày 12/9/2024 bà H tham gia chơi hụi ngày do bà L làm chủ hụi, bà H góp 10 phần, mỗi phần là 7.500.000 đồng, thành tiền là 75.000.000 đồng. Bà H giao trực tiếp số tiền này cho bà L tại nhà bà L, bà L nhận tiền mặt. Bà L tự viết nội dung nhận tiền hụi vào sổ nợ của bà H, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị L". Hai bên có thỏa thuận tiền lãi là là 5.000.000 đồng/tháng, chưa trả lãi. Cuối tháng 9/2024 bà L tuyên bố vỡ nợ nên đến nay không trả gốc, không trả lãi.

+ Ngày 05/01/2023 bà H chơi hụi do bà L làm chủ hụi, hụi tháng, gồm 33 chân, hụi 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 05/01/2023, kết thúc khoảng tháng 11/2025. Tuy nhiên cuối tháng 9/2024 bà L tuyên bố vỡ nợ, tháng 10/2024 đến nay không thu hụi. Dây này bà H chơi 02 chân hụi, đóng được 22 tháng thành tiền 44.000.000 đồng. Bà L chưa chồng hụi cho bà H.

+ Ngày 05/01/2023 bà H chơi hụi do bà L làm chủ hụi, hụi tháng, gồm 34 chân, hụi 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 05/01/2023, kết thúc khoảng tháng 11/2025. Tuy nhiên cuối tháng 9/2024 bà L tuyên bố vỡ nợ nên không thu hụi. Dây này bà H chơi 01 chân hụi, đóng được 22 tháng thành tiền 22.000.000 đồng. Bà L chưa chồng hụi cho bà H.

+ Ngày 10/7/2023 bà H chơi hụi do bà L làm chủ hụi, hụi tháng, hụi 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 10/7/2023, bà L chưa đưa danh sách chơi hụi cho bà H nên không rõ bao nhiêu chân hụi. Tuy nhiên cuối tháng 9/2024 bà L tuyên bố vỡ nợ nên không thu hụi. Dây này bà H chơi 01 chân hụi, đóng được 16 tháng thành tiền 16.000.000 đồng. Bà L chưa chồng hụi cho bà H.

+ Ngày 21/8/2024 bà H chơi hụi do bà L làm chủ hụi, hụi tháng, hụi 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 21/8/2024, bà L chưa đưa danh sách chơi hụi cho bà H nên không rõ bao nhiêu chân hụi. Tuy nhiên cuối tháng 9/2024 bà L tuyên bố vỡ nợ nên không thu hụi. Dây này bà H chơi 01 chân hụi, đóng được 03 tháng thành tiền 3.000.000 đồng. Bà L chưa chồng hụi cho bà H.

Tổng cộng tiền hụi bà L nợ bà H là 535.000.000 đồng. Tháng 10/2024 bà L trả được cho bà H số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ lại 465.000.000 đồng.

Ngày 02/11/2024 bà L viết giấy chốt nợ hụi cho bà H xác nhận còn thiếu tiền hụi của bà H số tiền là 465.000.000 đồng. Bà L viết giấy nợ, ký, ghi họ tên "Nguyễn Thị L", đồng thời bà L có hẹn đến ngày 22/11/2024 sẽ trả nợ. Tuy nhiên đến nay bà L không trả nợ cho bà H. Nay bà H yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả nợ số tiền trên 465.000.000 đồng cho bà H.

Về án phí nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 25/6/2025, bị đơn thừa nhận còn nợ tiền hụi của nguyên đơn chưa trả là 465.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28/4/2025 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 465.000.000 đồng. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Nguyên đơn thừa nhận không có quan hệ họ hàng, anh em với bị đơn, hai bên có quen biết do cư trú cùng xã, nguyên đơn đã tham gia chơi hụi (huê) cho bị đơn làm chủ hụi, gồm có hụi ngày, hụi tháng. Sự việc chơi hụi đã được hai bên xác nhận, cụ thể:

Tại xác nhận nội dung nợ hụi ngày, ghi ngày 22/02/2024 thể hiện: Bà L nợ bà H 20 phần hụi ngày số tiền là 150.000.000 đồng, bà L ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị L".

Tại xác nhận nội dung nợ hụi ngày, ghi ngày 26/4/2024 thể hiện: Bà L nợ bà H 20 phần hụi ngày thành tiền là 150.000.000 đồng, bà L ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị L".

Tại xác nhận nội dung nợ hụi ngày, ghi ngày 27/7/2024 thể hiện: Bà L nợ bà H 10 phần hụi ngày thành tiền là 75.000.000 đồng, bà L ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị L".

Tại xác nhận nội dung nợ hụi ngày ghi ngày 12/9/2024 thể hiện: Bà L nợ bà H 10 phần hụi ngày thành tiền là 75.000.000 đồng, bà L ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị L".

Tại giấy xác nhận nội dung nợ hụi ghi ngày 02/11/2024 thể hiện: Bà L nợ bà H tổng số tiền gốc hụi tháng, hụi ngày là 465.000.000 đồng, bà L ký tên, ghi họ tên "Nguyễn Thị L", có hẹn đến ngày 22/11/2024 sẽ trả nợ.

Ngoài ra bà H trình bày bà L có nợ hụi các dây hụi sau: Hụi tháng mở ngày 05/01/2023, đã đóng 22 tháng, hụi 1.000.000 đồng, 02 chân, thành tiền 44.000.000 đồng. Hụi tháng mở ngày 05/01/2023, đã đóng 22 tháng, hụi 1.000.000 đồng, 01 chân, thành tiền 22.000.000 đồng. Hụi tháng mở ngày 10/7/2023, đã đóng 16 tháng, hụi 1.000.000 đồng, 01 chân thành tiền 16.000.000 đồng. Hụi tháng mở ngày 21/8/2024, đã đóng 03 tháng, hụi 1.000.000 đồng, 01 chân, thành tiền 3.000.000 đồng. Đối với các dây hụi tháng này mặc dù bà H không có xác nhận nợ tiền từng dây hụi nhưng tại giấy xác nhận tổng nợ hụi ngày 02/11/2024 thì bà L đã xác nhận là còn nợ 465.000.000 đồng gồm có cả 04 khoản này.

Tổng số nợ huê ngày, tháng bà L nợ bà H là 535.000.000 đồng. Bà H trình bày tháng 10/2024 (không nhớ cụ thể ngày) bà L đã trả được 70.000.000 đồng, còn nợ lại 465.000.000 đồng. Ngày 02/11/2024 bà L viết xác nhận nợ bà H số tiền hụi chưa trả là 465.000.000 đồng và có hẹn đến ngày 22/11/2024 sẽ trả nợ tuy nhiên đến nay không trả. Ngày 25/6/2025 bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, có xác nhận còn nợ tiền hụi của bà H số tiền 465.000.000 đồng là đúng.

Vì vậy việc nguyên đơn bà H khởi kiện để yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L trả nợ tiền hụi còn thiếu chưa chồng với số tiền là 465.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 465.000.000 đồng.

Về tiền lãi phát sinh: bà H trình bày bà L có trả được một số tháng tiền lãi của hụi ngày. Mặc dù số tiền trả lãi có cao hơn so với lãi suất theo quy định, tuy nhiên bà L chỉ trả được một vài tháng, tính đến nay nếu tính lãi theo thỏa thuận phát sinh lớn hơn số tiền đã trả, bà H không yêu cầu tính lại lãi để bù trừ nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn

phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên bị đơn thuộc diện người trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào 471 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bùi Thị Kim H đối với Nguyễn Thị L về việc "*Tranh chấp về hụi (họ, huê)"*.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Bùi Thị Kim H số tiền 465.000.000 *(bốn trăm sáu mươi lăm triệu)* đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị L theo quy định của pháp luật (thuộc diện trên 60 tuổi). Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Kim H số tiền 11.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004618 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng. Địa chỉ: Số 206 Huỳnh Thúc Kháng, Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 4- Lâm Đồng;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bích Thủy